

Số: ~~1444~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 5727/BCHĐTĐ/BC-HĐTĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 293/BC-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

### **I. TÊN QUY HOẠCH**

Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II. PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH**

#### **1. Phạm vi quy hoạch:**

Phạm vi ranh giới quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên là 1.988,64 km<sup>2</sup> tại tọa độ địa lý từ khoảng 10°24'37"B đến 10,410157°B vĩ độ Bắc và từ 107°08'12"Đ đến 107,136555°Đ kinh độ Đông; ranh giới:

- Phía Đông giáp với tỉnh Bình Thuận;
- Phía Tây giáp với Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phía Nam giáp với Biển Đông;
- Phía Bắc giáp với tỉnh Đồng Nai.

#### **2. Thời kỳ lập quy hoạch:**

- Thời kỳ lập quy hoạch: 2021 - 2030.
- Tầm nhìn dài hạn: đến năm 2050.

### **III. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH**

#### **1. Quan điểm lập quy hoạch:**

a) Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; Chiến lược phát triển đô thị quốc gia; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nghiên cứu, bổ sung, phát triển những vấn đề mới trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, các định hướng của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia và danh mục các quy hoạch được tích hợp tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

b) Phải đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự phát triển bền vững, hài hòa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực triển khai của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện;

c) Phải đảm bảo chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; khai thác hiệu quả tác động của các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết (WTO, CTPPP, APTA, EVFTA...); tận dụng các cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đáp ứng các nhu cầu phát triển trong giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, có tầm nhìn dài hạn đến năm 2050;

d) Khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về hệ thống cảng biển, dịch vụ logistics, du lịch biển và các ngành kinh tế biển khác; phân bố không gian phát triển kinh tế hợp lý giữa các ngành kinh tế quan trọng: công nghiệp, cảng biển, du lịch, nông nghiệp, tạo sự hỗ trợ phát triển lẫn nhau, đồng thời bảo đảm xử lý tốt những tác động xung đột phát triển giữa các ngành, xây dựng Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành một địa phương phát triển thịnh vượng, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; tiếp tục giữ vững vị trí trong nhóm các địa phương có mức đóng góp cao đối với quốc gia về phát triển kinh tế và thu ngân sách nhà nước;

đ) Khai thác và phát huy các cơ hội và khả năng liên kết về kinh tế, về hệ thống hạ tầng kết nối giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam, với các tỉnh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, vùng Nam Trung bộ, Tây Nguyên, mối quan hệ với cả nước và quốc tế (đặc biệt là các quốc gia trong khu vực); trong mối quan hệ đó, Bà Rịa - Vũng Tàu giữ vai trò là cửa ngõ ra biển, hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ logistics của cả Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các địa phương lân cận;

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phát triển bền vững;

g) Quy hoạch phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền trên biển.

## **2. Nguyên tắc lập quy hoạch:**

a) Tuân thủ các quy trình, thủ tục, nội dung, nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Luật Quy hoạch và hệ thống văn bản pháp luật về quy hoạch, cũng như các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với hệ thống quy hoạch quốc gia; với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quốc gia;

c) Đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện quy hoạch; phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của đất nước và quốc tế;

d) Việc lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần phải ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

### **3. Mục tiêu lập quy hoạch:**

a) Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn;

b) Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là căn cứ khoa học và công cụ pháp lý để chính quyền các cấp của tỉnh sử dụng khi hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo yêu cầu kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững;

c) Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2011 - 2020, dự báo và đề xuất các phương án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; lựa chọn được khâu đột phá phát triển, đồng thời nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khả thi để thực hiện các đột phá phát triển; đảm bảo tính thống nhất về định hướng phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nội dung quy hoạch phải hướng tới phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bền vững trên cả 3 trụ cột: phát triển kinh tế - bảo đảm an sinh xã hội - bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn;

d) Quy hoạch tỉnh đưa ra các định hướng và giải pháp bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội hợp lý nhằm giải quyết các vấn đề xung đột giữa các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh khi hoạch định phương án phát triển của từng ngành trong mối quan hệ liên ngành;

đ) Quy hoạch tỉnh là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, kế hoạch thu hút đầu tư của các doanh nghiệp và dân cư, đảm bảo tính khách quan, khoa học; đề xuất danh mục dự án đầu tư và thứ tự ưu tiên đầu tư, đề xuất các giải pháp khả thi để thực hiện quy hoạch, bảo đảm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội;

e) Quy hoạch tỉnh cung cấp đầy đủ các thông tin, căn cứ cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các cá nhân có nhu cầu tìm hiểu về cơ hội đầu tư, kinh doanh, sinh sống tại tỉnh; đồng thời là cơ sở để các tổ chức và công dân thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch của tỉnh.

## **IV. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH**

### **1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch:**

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện;

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn; các vùng động lực phát triển của tỉnh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai;

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

## **2. Xác định nội dung quy hoạch:**

Nội dung quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; phải thể hiện những yêu cầu đặc thù riêng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong từng nội dung, cụ thể quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Yêu cầu về phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

c) Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

d) Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

đ) Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

e) Các nội dung quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch, bao gồm:

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị;
- Phương án phát triển mạng lưới giao thông;
- Phương án phát triển mạng lưới cấp điện;
- Phương án phát triển mạng lưới viễn thông;
- Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước;
- Phương án phát triển các khu xử lý chất thải;
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

g) Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

h) Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

- i) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- k) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;
- l) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- m) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
- n) Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- o) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- p) Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

**3. Yêu cầu về các nội dung đề xuất:** các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

**4. Yêu cầu về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:** Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

### 1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch:

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, khoa học, phù hợp thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

### 2. Các phương pháp lập quy hoạch:

- Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu; tiếp cận từ thực địa, nghiên cứu tại bàn;
- Các phương pháp khảo sát, tiếp cận thực địa;
- Phương pháp so sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS);
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu, mô hình toán, phân tích ma trận SWOT;
- Phương pháp chuỗi giá trị;
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo;
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

## VI. THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

### 1. Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản:
  - Tờ trình đề nghị thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2050, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2050, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2050, tầm nhìn đến năm 2050, báo cáo tóm tắt kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ;

- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan;

- Báo cáo nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2050, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:

+ Các bản đồ về hiện trạng phát triển;

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;

+ Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;

+ Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

+ Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;

+ Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;

+ Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;

+ Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

+ Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Một số bản đồ chuyên đề khác;

- Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch;

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD): thực hiện theo Điều 39, Điều 40 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

**2. Chi phí lập quy hoạch:** thực hiện theo quy định hiện hành.

**3. Tiến độ lập quy hoạch:** không quá 24 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017 và quy định pháp luật liên quan.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu triển khai thực hiện lập quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4; ✓
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Trợ lý, Thư ký các PTTg, TGĐ Công TTĐT, Cục KSTT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). NQ 41

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**